TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-ST
Ngày: 19 - 11 - 2025
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Y Míp Niê

2. Ông Nguyễn Thanh Phong

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Y Sim Ê Ban - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2025/TLST- DS, ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐST - DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST–DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q (V1).**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Mai Sỹ T. Chức vụ: Cán bộ ngân hàng TMCP Q, theo văn bản ủy quyền số 275848.25 ngày 09/9/2025 (có mặt).

Địa chỉ: Tầng A, 2 tòa nhà S, số A P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Ông Trần T1,** sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Sỹ T trình bày: Ngày 09/11/2022 ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Q1 ký kết hợp đồng tín dụng số 7495362.22, cấp tín dụng cho ông Trần T1 vay 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Thời hạn vay 360 tháng hạn kể từ ngày tiếp theo giải ngân đến ngày 11/11/2052, theo phương thức cho vay từng lần, lãi suất vay là 14,9%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,9%/năm. Khoản vay được ấn định trả nợ gốc mỗi tháng là 5.000.000đ và trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/12/2022, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngày 11/11/2022 ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông Trần T1 theo đơn đề nghị giải ngân và khế ước nhận nợ số 7495362 (1).22. Mục đích cho vay nhận chuyển nhượng bất động sản tại thửa đất 199 và 200, tờ bản đồ số 27, địa chỉ xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 10/10/2022 ngân hàng phát hành thẻ tín dụng số 100001574768 với hạn mức là 157.000.000đ cho ông Trần T1. Lãi suất, phí theo qui định của ngân hàng tại từng thời kỳ.

Để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng ông Trần T1 đã thế chấp cho ngân hàng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 27, địa chỉ xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Giấy CNQSD đất số DD 913587 do Sở T2 cấp ngày 18/4/2022, cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần T1 ngày 30/11/2022 theo hợp đồng thế chấp số 9120948.22.608 ngày 05/12/2022.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 27, địa chỉ xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. GCNQSD đất số DD 913588 do Sở T2 cấp ngày 18/4/2022, cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần T1 ngày 30/11/2022 theo hợp đồng thế chấp số 7182282.22.608 ngày 05/12/2022.

Việc thế chấp tài sản theo 02 hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng qui định của pháp luật.

Tính đến ngày 18/11/2025 ông T1 còn nợ ngân hàng số tiền là 2.194.385.028đ. Trong đó nợ theo hợp đồng tín dụng gốc là 1.684.799.491đ, nợ lãi trong hạn là 149.605.502đ, quá hạn là 149.605.502đ. Nợ theo thẻ tín dụng gốc là 143.914.691đ, nợ lãi quá hạn là 215.025.156đ.

Quá trình vay vốn tại ngân hàng ông Trần T1 không thực hiện cam kết trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng như thỏa thuận. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông Trần T1 vẫn chưa thanh toán nợ cho ngân hàng. Ngân hàng đã trực tiếp làm việc yêu cầu ông T1 trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả được nợ.

Vì ông Trần T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần T1 phải trả cho ngân hàng số nợ tính đến ngày 18/11/2025 là 2.194.385.028đ. Trong đó nợ theo hợp đồng tín dụng gốc là 1.684.799.491đ, nợ lãi trong hạn là 149.605.502đ, nợ lãi quá hạn là 149.605.502đ. Nợ theo thẻ tín dụng gốc là 143.914.691đ, nợ lãi quá hạn là 215.025.156đ.

Và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ. Trường hợp ông Trần T1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo qui định.

Về thời hạn trả nợ: Ngân hàng đề nghị ông Trần T1 xem xét nguồn thu trả nợ trong thời gian sớm nhất, thanh toán một lần.

Quá trình giải quyết vụ án ngân hàng đã đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tài sản thế chấp và đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tài sản. Ngân hàng không có ý kiến gì về kết quả xem xét thẩm định tài sản.

- Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần T1 trình bày: Ngày 09/11/2022 ông có ký kết hợp đồng tín dụng số 7495362.22 với ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Q1. Theo đó ngân hàng cấp tín dụng cho ông vay 1.800.000.000đ (Một

tỷ tám trăm triệu đồng). Thời hạn vay 360 tháng hạn kể từ ngày tiếp theo giải ngân đến ngày 11/11/2052, theo phương thức cho vay từng lần, lãi suất vay là 14,9%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,9%/năm. Mục đích vay vốn là để nhận chuyển nhượng bất động sản tại thửa đất 199 và 200, tờ bản đồ số 27, địa chỉ xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Theo nội dung hợp đồng tín dụng, khoản vay được ấn định trả nợ gốc mỗi tháng là 5.000.000đ và trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/12/2022, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay và ông đã nhận đủ số tiền vay theo khế ước nhận nợ số 7495362 (1).22.

Ngày 10/10/2022 ngân hàng phát hành thẻ tín dụng cho ông T1 với hạn mức vay là 157.000.000đ. Lãi suất, phí theo qui định của ngân hàng tại từng thời kỳ.

Để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng ông đã thế chấp cho ngân hàng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 27, địa chỉ xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. GCNQSD đất số DD 913587 do Sở T2 cấp ngày 18/4/2022, cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần T1 ngày 30/11/2022 theo hợp đồng thế chấp số 9120948.22.608 ngày 05/12/2022.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 27, địa chỉ xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. GCNQSD đất số DD 913588 do Sở T2 cấp ngày 18/4/2022, cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần T1 ngày 30/11/2022 theo hợp đồng thế chấp số 7182282.22.608 ngày 05/12/2022.

Việc thế chấp tài sản theo 02 hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng qui định của pháp luật.

Vì điều kiện làm ăn gặp khó khăn nên ông chưa trả được nợ cho ngân hàng như đã thỏa thuận, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho ngân hàng số nợ tính đến ngày 18/11/2025 là 2.194.385.028đ. Trong đó nợ theo hợp đồng tín dụng gốc là 1.684.799.491đ, nợ lãi trong hạn là 149.605.502đ, nợ lãi quá hạn là 149.605.502đ. Nợ theo thẻ tín dụng gốc là 143.914.691đ, nợ lãi quá hạn là 215.025.156đ.

Và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ. Trường hợp ông Trần T1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo qui định thì ông đồng ý.

Sau khi ông đã trả hết nợ thì đề nghị ngân hàng giao trả lại cho ông tài sản đã thế chấp cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên.

- Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tài sản: Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 280, 295, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự, các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Q về việc buộc ông Trần Thái C trách nhiệm trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa ông Trần T1 và ngân hàng TMCP Q có xác lập giao dịch vay tiền thông qua hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng. Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông T1 không thực hiện trả nợ đúng hạn cho ngân hàng. Vì vậy ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa các bên là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn ông Trần T1, trú tại thôn X, xã P, huyện K (nay là xã P), tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng nay là TAND khu vực 10 - Đắk Lắk.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

- *Về số tiền vay*: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự có cơ sở xác định: Giữa ngân hàng TMCP Q và ông Trần T1 đã ký kết hợp đồng tín dụng số 7495362.22 ngày 09/11/2022 theo đó ngân hàng cho ông Trần T1 vay số tiền 1.800.000.000đ, thời hạn vay 360 tháng, lãi suất 14,9%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,9%/năm. Khoản vay được ấn định trả nợ gốc mỗi tháng 5 triệu đồng và trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 11/11/2052.

Đến ngày 10/10/2022 ngân hàng phát hành thẻ tín dụng số 10001574768 cho ông Trần T1 với hạn mức vay là 157.000.000đ. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng cho ông Trần T1.

- *Về mục đích cho vay*: Ngân hàng cho ông Trần T1 vay tiền nhằm mục đích cho vay nhận chuyển nhượng bất động sản tại thửa đất 199 và 200, tờ bản đồ số 27, địa chỉ xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Về số tiền đã trả:* Kể từ thời điểm vay cho đến nay ông Trần T1 đã trả cho ngân hàng được số nợ gốc là 115.200.509đ và nợ lãi là 504.852.439đ.

Đối với số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 18/11/2025 là 2.194.385.028đ ông Trần T1 chưa trả được.

Theo thời hạn trả nợ mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng tính đến thời điểm ngân hàng khởi kiện các khoản vay của ông Trần T1 đã quá hạn trả nợ. Nhưng ông Trần T1 vẫn chưa trả nợ cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng. Nên việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần T1 thanh toán số nợ gốc và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

- *Về nghĩa vụ trả nợ*: Nguyên đơn yêu cầu ông Trần T1 có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng. HĐXX xét thấy: Ông Trần T1 là người đứng tên ký kết hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng với ngân hàng, đồng thời tài sản thế chấp để vay tiền đứng tên quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần T1. Vì vậy HĐXX xét thấy cần buộc ông Trần T1 là người chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng.

- *Về xử lý tài sản thế chấp*: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp bất động sản số hợp đồng thế chấp số 9120948.22.608 ngày 05/12/2022 và hợp đồng thế chấp số 7182282.22.608 ngày 05/12/2022. Xác định được ông Trần T1 đã thế chấp cho ngân hàng TMCP Q quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 27, GCNQSD đất số DD 913587 do Sở T2 cấp ngày 18/4/2022, cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần T1 ngày 30/11/2022. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 27, GCNQSD đất số DD 913588 do Sở T2 cấp ngày 18/4/2022, cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần T1 ngày 30/11/2022. Địa chỉ 02 thửa đất tại xã L, huyện B (nay là xã B), tỉnh Lâm Đồng.

Theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng thế chấp thể hiện ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ và các thỏa thuận khác liên quan đến nội dung thế chấp. Bởi vậy, HĐXX thấy cần xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy CNQSD đất số DD 913587 và số DD 913588 theo qui định pháp luật, để đảm bảo thu hồi nợ cho ngân hàng trong trường hợp ông Trần T1 không trả nợ hoặc không trả đủ nợ cho ngân hàng.

Về chi phí tố tung: Bị đơn ông Trần T1 phải chịu 1.900.000đ chi phí xem xét thẩm định tài sản. Nguyên đơn ngân hàng TMCP Q không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tài sản và được nhận lại số tiền 1.900.000đ tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tài sản đã nộp sau khi thu được từ ông Trần T1.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 280, 295, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự; Các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của ngân hàng TMCP Q buộc ông Trần T1 phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày 18/11/2025 là 2.194.385.028đ. Trong đó nợ theo hợp đồng tín dụng gốc là 1.684.799.491đ, nợ lãi trong hạn là 149.605.502đ, nợ lãi quá hạn là 149.605.502đ. Nợ theo thẻ tín dụng gốc là 143.914.691đ, nợ lãi quá hạn là 215.025.156đ.

Ông Trần T1 phải chịu lãi suất tiếp theo, theo mức lãi suất quá hạn tại hợp đồng tín dụng số 7495362.22 ngày 09/11/2022 và thẻ tín dụng mở ngày 10/10/2022 đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 19/11/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần T1 phải chịu 1.900.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Hoàn trả cho ngân hàng TMCP Q số tiền 1.900.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp sau khi thu được từ ông Trần T1.

[5]. Về án phí: Ông Trần T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo qui định pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158; các Điều 280, 295, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95, 98

Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Q.

1. Buộc ông Trần T1 phải trả cho ngân hàng TMCP Q số tiền là 2.194.385.028đ. Trong đó nợ theo hợp đồng tín dụng số 7495362.22 gốc là 1.684.799.491đ, nợ lãi trong hạn là 149.605.502đ, nợ lãi quá hạn là 149.605.502đ. Nợ theo thẻ tín dụng số 100001574768 gốc là 143.914.691đ, nợ lãi quá hạn là 215.025.156đ.

Kể từ ngày 19/11/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7495362.22 ngày 09/11/2022 và thẻ tín dụng số 100001574768 ngày 10/10/2022.

Sau khi ông Trần T1 trả hết nợ cho ngân hàng TMCP Q thì ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Thái G CNQSD đất số DD 913587 và số DD 913588 đã thế chấp cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 9120948.22.608 ngày 05/12/2022 và hợp đồng thế chấp số 7182282.22.608 ngày 05/12/2022.

Trường hợp ông Trần T1 không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông Trần T1 đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 9120948.22.608 ngày 05/12/2022 và hợp đồng thế chấp số 7182282.22.608 ngày 05/12/2022 đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ theo qui định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần T1 phải chịu 1.900.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Hoàn trả cho ngân hàng TMCP Q số tiền 1.900.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp sau khi thu được từ ông Trần T1.

3. Về án phí: Ông Trần T1 phải chịu 75.888.000 án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho ngân hàng TMCP Q số tiền 34.603.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự Đắk Lắk theo biên lai số 0012081 ngày 28/3/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND khu vực 10 – Đắk Lắk;*
- *THADS tỉnh Đắk Lắk;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lương Thị Ngọc